

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH A2 – HỌC PHẦN 2

Ngành đào tạo: Công tác xã hội, Quản trị Kinh doanh

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

1. Tên học phần: Tiếng Anh A2 – học phần 2

2. Mã học phần: DHNT16

3. Số đvht: 3 (1,2)

4. Trình độ: SV năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 15 tiết (1 tiết giảng / 1 tuần lễ)

- Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 60 tiết (4 tiết thực hành, thảo luận / 1 tuần lễ)

- Tự học: 75 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: không

7. Mục tiêu của học phần:

7.1. Về kiến thức: kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Phát âm đúng các nguyên âm, phụ âm cơ bản, ghi nhớ ký hiệu phiên âm quốc tế; nhận diện được trọng âm trong từ đa âm tiết; xác định trọng âm và nhịp điệu trong câu
- có đủ vốn từ cơ bản để nói và viết về kỳ nghỉ, miêu tả người, mối quan hệ trong gia đình, âm nhạc, trang phục, thể thao, các môn học
- có vốn kiến thức ngữ pháp cơ bản như các thời thể, cụm động từ, cấu trúc câu để sử dụng trong những tình huống giao tiếp thông thường;

7.2. *Về kĩ năng*: sinh viên được phát triển 4 kỹ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết ở mức sơ cấp liên quan đến các tình huống thông thường.

Kỹ năng nghe:

- nghe hiểu những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày (các thông tin cá nhân, gia đình, mua bán, công việc...) khi được nói rõ ràng và chậm rãi;
- hiểu chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng, chậm rãi;
- hiểu và nhận biết được một số thông tin đơn giản trình bày trên đài/TV khi những thông tin đó liên quan đến những chủ đề gần gũi hàng ngày .

Kỹ năng đọc:

- có thể hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hàng ngày.

Kỹ năng nói:

- có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến công việc và thời gian rảnh rỗi
- có thể hỏi và trả lời được trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn nhưng chưa thể duy trì được các cuộc hội thoại

Kỹ năng viết:

- có thể viết các mệnh đề, câu đơn giản và nối với nhau bằng các liên từ “và”, “nhưng”, “vì”
- có thể viết các tin nhắn đơn giản, bưu thiếp, thư, email nhằm mục đích thông báo tin tức, bày tỏ suy nghĩ về một vấn đề cụ thể hoặc miêu tả sự kiện, kinh nghiệm trải qua, và trình bày cảm xúc, ấn tượng về sự kiện đó;

Các kỹ năng khác:

- Tăng cường làm việc theo nhóm
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet phục vụ cho việc học tập môn học.

7.3. Về thái độ: có ý thức rèn luyện, sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong các tình huống quen thuộc trong đời sống.

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giúp sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp tiếng Anh sơ cấp đồng thời hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học. Mô tả vắn tắt nội dung học phần được liệt kê trong bảng sau:

Ngữ pháp	Các thì: hiện tại đơn giản, quá khứ đơn giản, hiện tại tiếp diễn, tương lai gần; hiện tại hoàn thành So sánh hơn, so sánh cao nhất Tính từ; từ chỉ số lượng; trạng từ; Giới từ chỉ thời gian; trạng từ chỉ tần suất
Từ vựng	Cụm động từ; Đồ vật thông dụng; thông tin cá nhân; Nhà cửa, ăn uống, thời tiết; Danh từ đếm được, danh từ không đếm được Giới từ chỉ địa điểm; Tính từ miêu tả
Phát âm	Nguyên âm, phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu Cách phát âm tính từ, trạng từ, các chữ cái không được phát âm V-ing, phân từ quá khứ bất quy tắc
Nghe nói	Chủ đề: các tình huống quen thuộc hàng ngày Kỹ năng: nghe và nắm ý chính
Đọc hiểu	Đọc để tăng cường vốn từ về các chủ đề quen thuộc: bản thân, gia đình, bè bạn, đất nước, con người, công việc, cuộc sống, giải trí
Viết	Viết theo mẫu: điền thông tin cá nhân; viết thư cá nhân, viết một đoạn văn đề thông báo hoặc miêu tả sự kiện, trải nghiệm, trình bày cảm xúc ấn tượng về sự kiện đó.

9. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học;
- Đi học đầy đủ, đúng giờ và tích cực tham gia trên lớp;
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời hạn;
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu học tập

11.1. Tài liệu bắt buộc

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Selison, *New English file, Pre-intermediate Student's book and workbook*, Oxford University Press (2005)
2. Jonathan Marks, *English Pronunciation in Use Elementary*, Cambridge University Press (2007)
3. Michael McCarthy, Felicity O'Dell, *English Vocabulary in Use Elementary*, Cambridge University Press (2010)

11.2. Tài liệu tham khảo.

4. Murphy, Raymond, *English Grammar in Use*, (Trần Mạnh Tường dịch và chú giải) NXB Văn hóa – Thông tin (2012)

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Tham gia học tập trên lớp: tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị và làm bài tập đầy đủ, nộp bài đúng hạn; không nghỉ học quá 20% số buổi học, không đi học muộn.	1 điểm	10%	
2	Bài kiểm tra tiến bộ số 1: đánh giá các kiến thức cấu trúc ngữ	Thi viết 90 phút	20%	Tuần 7

	pháp, từ vựng, phát âm và các kỹ năng nghe, đọc, viết			
3	Bài kiểm tra tiến bộ số 2: đánh giá kỹ năng nói.	Thi nói	10%	Từ tuần 8 – tuần 15
3	Thi kết thúc học phần	Thi viết (90 phút)	60%	

Lưu ý: Sinh viên không tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp không được thi lần đầu.

13. Thang điểm: thang điểm 10; làm tròn đến một chữ số thập phân (áp dụng với các điểm thành phần và điểm học phần)

14. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
Tuần 1	1.1. Lesson 1A – Who’s who? 1.3.1. Ngữ pháp: Trật tự từ trong câu hỏi 1.3.2 Từ vựng: cụm động từ thông dụng 1.3.3 Phát âm: nguyên âm 1.3.4. Nghe nói: giới thiệu, làm quen 1.2. Lesson 1B – Who knows you better? 1.3.1. Ngữ pháp: thì hiện tại đơn giản 1.3.2 Từ vựng: gia đình, tính từ chỉ tính cách 1.3.3 Phát âm: đuôi –s trong danh từ số nhiều và động từ ngôi thứ 3 1.3.4. Nghe nói: friends	1	4	Đề cương học phần New English File (NEF) student’s book (p.4 – 7) English Vocabulary in Use (Vocabulary) (p.22 – 23) English Pronunciation in Use (Pronunciation) p 92-93	Nghiên cứu đề cương, trước tài liệu môn học Chuẩn bị nội dung thảo luận Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF workbook File 1 Lesson 1A, 1B

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
Tuần 2	2.1. Lesson 1C 2.1.1. <i>Ngữ pháp: thì hiện tại tiếp diễn</i> 2.1.2. <i>Từ vựng: cơ thể, giới từ chỉ địa điểm</i> 2.1.3. <i>Phát âm: nguyên âm</i> 2.1.4. <i>Nghe nói: miêu tả người</i> 2.2. Practical English 2.2.1 At immigration 2.2.2 Social English	1	4	- NEF student's book, p.8 – 9, 12 - Vocabulary, p.110-111 - Pronunciation (p.16-17)	Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF workbook – Lesson 1C
Tuần 3	3.1. Lesson 1D 3.1.1. <i>Ngữ pháp: mệnh đề quan hệ (a person who..., a thing which...)</i> 3.1.2. <i>Từ vựng: for example, like, etc.</i> 3.1.3. <i>Phát âm: phiên âm trong từ điển</i> 3.2. Writing – describing yourself	1	4	- NEF, p.10-11, 13	Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF workbook – Lesson 1D
Tuần 4	4.1. Lesson 2A 4.1.1 <i>Ngữ pháp: thì quá khứ đơn – động từ có quy tắc, động từ bất quy tắc</i> 4.1.2 <i>Từ vựng: kỳ nghỉ</i> 4.1.3 <i>Phát âm: đuôi –ed, động từ bất quy tắc</i> 4.1.4 <i>Nghe nói: chủ đề du lịch</i>	1	4	- NEF, p.16-17 Vocabulary p.46-47 - Pronunciation p.94-95	- Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF workbook – Lesson 2A
Tuần 5	5.1. Lesson 2B 5.1.1. <i>Ngữ pháp: thì quá khứ tiếp diễn</i> 5.1.2. <i>Từ vựng: giới từ chỉ thời gian và địa điểm: in, on, at</i>	1	4	- NEF, p.18-19, 24 - Vocabulary, p.26 - 27	- Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	5.1.3. <i>Phát âm: /ə/</i> 5.2. Practical English – Social English At the conference hotel: checking-in, calling reception				workbook – Lesson 2B
Tuần 6	6.1. Lesson 2D 6.1.1. <i>Ngữ pháp: so, because, but, although.</i> 6.1.2. <i>Từ vựng: cụm động từ</i> 6.1.3. <i>Phát âm: the letter a</i> 6.1.4. <i>Nghe nói: kể lại sự kiện đã chứng kiến</i> 6.2. Writing <i>The story behind a photo</i>	1	4	- NEF, p.22-23, 25	- Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF workbook – Lesson 2D
Tuần 7	Bài kiểm tra số 1 7.1. Lesson 3A 7.1.1 <i>Ngữ pháp: going to, thì hiện tại tiếp diễn (kế hoạch tương lai)</i> 7.1.2 <i>Từ vựng: look (after, for, etc.)</i> 7.1.3 <i>Phát âm: trọng âm câu</i> 7.1.4 <i>Nghe nói: kỳ nghỉ</i>	1	4 Bài kiểm tra số 1	- NEF, p.28- 29 - Vocabulary, p.66-67	- Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF workbook – Lesson 3A
Tuần 8	8.1. Lesson 3B 8.1.1 <i>Ngữ pháp: will/ won't</i> 8.1.2 <i>Từ vựng: động từ trái nghĩa</i> 8.1.3 <i>Phát âm: will/ won't, /ɒ/, /əʊ/</i> 8.2. Lesson 3C 8.2.1 <i>Ngữ pháp: will/ won't (promises, offers,</i>	1	4	- NEF, p.30 - 33,	- Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF workbook – Lesson 3B, 3C

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<i>decisions)</i> 8.2.2 Từ vựng: động từ + back 8.2.3 Phát âm: trọng âm trong từ 2 âm tiết				
Tuần 9	9.1. Lesson 3D 9.1.1 Ngữ pháp: ôn lại các thì: hiện tại, quá khứ, tương lai 9.1.2 Từ vựng: động từ + giới từ 9.1.3 Phát âm: trọng âm câu 9.1.4 Nghe nói: giải mã giấc mơ 9.2. Practical English 9.3 Writing: viết thư cá nhân	1	4	- NEF, p.34-37	- Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF workbook, Lesson 3D
Tuần 10	10.1 Lesson 4A 10.1.1. Ngữ pháp: thì hiện tại hoàn thành + ever, never 10.1.2 Từ vựng: quần áo 10.1.3 Phát âm: nguyên âm 10.1.4 Nghe nói: trải nghiệm cá nhân 10.2 Lesson 4B 10.2.1. Ngữ pháp: thì hiện tại hoàn thành + yt, just, already 10.2.2 Từ vựng: cụm động từ 10.2.3 Phát âm: /h/, /j/, /dʒ/ 10.2.4 Nghe nói: family	1	4	- NEF, p.40-43 - Pronunciation, p.54-55 - Vocabulary, p.14-15	- Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF workbook, Lesson 4A, 4B

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
Tuần 11	11.1 Lesson 4C 11.1.1 Ngữ pháp: so sánh: <i>as... as...; less... than...</i> 11.1.2 Từ vựng: time expression: <i>spend time, waste time</i> 11.1.3 Phát âm: trọng âm câu 11.1.4 Nghe nói: <i>are you living faster?</i> 11.2. Practical English	1	4	- NEF, p.44, 45, 48	- Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF workbook, Lesson 4C
Tuần 12	12.1 Lesson 4D 12.1.1. Ngữ pháp: so sánh cao nhất (+ <i>ever</i> + thì hiện tại hoàn thành) 12.1.2 Từ vựng: tính từ trái nghĩa 12.1.3 Phát âm: trọng âm từ 12.2. Writing: describing where you live	1	4	- NEF, p.46, 47, 49 Vocabulary, p.116, 117	- Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF workbook, Lesson 4D
Tuần 13	13.1 Lesson 5A 13.1.1 Ngữ pháp: động từ nguyên thể 13.1.2 Từ vựng: động từ + <i>to-infinitive</i> 13.1.3 Phát âm: trọng âm từ 13.2 Lesson 5B 13.1.1 Ngữ pháp: <i>Verb+ ing</i> 13.1.2 Từ vựng: động từ + <i>V-ing</i> 13.1.3 Phát âm: đuôi <i>-ing</i>	1	4	- NEF, p.52- 55	- Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF workbook, Lesson 5A, 5B

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
Tuần 14	14.1 Lesson 5C <i>14.1.1 Ngữ pháp: have to, don't have to, must, mustn't</i> <i>14.1.2 Từ vựng: modifiers: a bit, really, etc.</i> <i>14.1.3 Phát âm: trọng âm câu</i> 14.1 Practical English	1	4	- NEF, p.56-57,60 -	- Ôn lại nội dung đã học và làm bài tập: NEF workbook, Lesson 5C
Tuần 15	15.1. Lesson 5D <i>15.1.1 Từ vựng: giới từ chỉ sự chuyển động; thể thao</i> <i>15.1.2 Phát âm: giới từ</i> 15.2. Writing: a formal email 15.3. Revision	1	4	- NEF, p.58-59, 61 - Vocabulary p.48-49	- làm bài tập: NEF workbook, Lesson 5D - Ôn lại nội dung đã học
Tuần 16	Ôn và thi kết thúc học phần				

Hà Nội, ngày 27 tháng 2 năm 2015

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TRƯỞNG TỔ MÔN

(Đã ký)